

Ngay từ buổi đầu xuất hiện, con người đã tác động vào môi trường xung quanh để phục vụ nhu cầu sống của mình. Trong số đó phải kể đến việc sử dụng phân bón trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Phân bón là hợp chất nhân tạo hay tự nhiên đưa vào hệ sinh thái nông nghiệp để nâng cao dinh dưỡng cây trồng, tăng năng suất hay cải thiện độ phì đất. Ông cha ta đã nói "nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống". Phân bón có vai trò đòn bẩy nâng cao năng suất cây trồng trong mọi thời đại.

## **I. Giới thiệu chung về phân bón.**

### **1. Định nghĩa**

Phân bón là những chất hữu cơ, vô cơ trong thành phần có chứa các nguyên tố vi lượng cần thiết cho cây trồng, mà cây có thể hấp thụ được. Như vậy phân bón được hiểu như là những chất khi bón vào đất, trong thành phần phải có chứa các nguyên tố dinh dưỡng như: N, P, K, Ca, Mg, S, Fe,...hoặc các nguyên tố vi lượng và siêu vi lượng.

### **2. Các loại phân bón**

- Phân bón vô cơ (phân đạm, phân lân, kali, phân vi lượng...)
- Phân hữu cơ (phân chuồng, phân rác, phân xanh...)

#### **2.1. Phân bón vô cơ**

##### *2.1.1. Khái niệm*

Phân bón vô cơ là nhóm phân bón chỉ gồm các chất vô cơ, không chứa các chất hữu cơ. Phân vô cơ còn gọi là phân khoáng, các phân bón vô cơ thường được sản xuất nhờ công nghiệp hóa học nên còn gọi là phân hoá học.

##### *2.1.1. Đặc điểm*

- Có thành phần xác định, có tỉ lệ chất dinh dưỡng cao
- Dễ tan trong nước, cây trồng dễ hấp thụ
- Thời gian tồn tại ngắn trong đất nên dễ bị rửa trôi
- Các phân bón vô cơ có phản ứng với đất, nên dùng nhiều trong thời gian dài, quá lạm dụng và không chú ý kết hợp với phân hữu cơ, sẽ làm tính chất của đất xấu đi (cần cỗi, khó làm và dễ bị thoái hóa)

#### **2.2. Phân hữu cơ**

##### *2.2.1. khái niệm*

Phân hữu cơ là nhóm phân bón có chứa các chất hữu cơ ở dạng chưa phân hủy hoặc bán phân hủy (bao gồm xác động thực vật cỏ cây, rơm rạ và các chất phế thải của

chăn nuôi: phân gà, lợn...). Có thể chia phân bón hữu cơ thành 3 nhóm:

- Nhóm 1: gồm các dạng phế thải chăn nuôi như phân của gia súc, gia cầm, nước tiểu.
- Nhóm 2: gồm các dạng phân xanh, phân rác, tro bếp, phù xa, bùn ao..
- Nhóm 3: gồm các dạng phế thải công nghiệp thực phẩm như bã đậu, khô lạc...

### 2.2.2. Đặc điểm

- Có thành phần phức tạp và không xác định, hàm lượng các chất dinh dưỡng thấp
- Thường tồn tại ở dạng chưa phân hủy hoặc bán phân hủy
- Do có nhiều chất hữu cơ, nên bón phân hữu cơ vào đất sẽ làm tăng độ mùn cho đất, góp phần cải tạo đất

## II. Vấn đề quản lý và sử dụng phân bón trong sản xuất nông nghiệp.

### 1. Một số loại phân bón hiện nay và tác dụng của chúng.

#### 1.1. Phân kali

- Nhóm phân bón cung cấp chất dinh dưỡng kali cho cây.
- Kali có vai trò chủ yếu trong việc chuyển hoá năng lượng trong quá trình đồng hoá các chất dinh dưỡng của cây.
- Kali làm tăng khả năng chống chịu của cây đối với các tác động không lợi từ bên ngoài và chống chịu đối với một số loại bệnh. Kali tạo cho cây cứng chắc, ít đổ ngã, tăng khả năng chịu úng, chịu hạn, chịu rét.

#### 1.2. Phân amôn nitrat ( $NH_4NO_3$ )

- Phân amôn nitrat có chứa 33 – 35% N nguyên chất. Ở các nước trên thế giới loại phân này chiếm 11% tổng số phân đạm được sản xuất hàng năm.
- Phân này ở dưới dạng tinh thể muối kết tinh có màu vàng xám. Amôn nitrat dễ chảy nước, dễ tan trong nước, dễ vón cục, khó bảo quản và khó sử dụng.
- Là loại phân sinh lý chua. Tuy vậy, đây là loại phân bón quý vì có chứa cả  $NH_4^+$  và cả  $NO_3^-$ , phân này có thể bón cho nhiều loại cây trồng trên nhiều loại đất khác nhau.
- Amôn nitrat bón thích hợp cho nhiều loại cây trồng cạn như thuốc lá, bông, mía, ngô...
- Phân này được dùng để pha thành dung dịch dinh dưỡng để tưới cây trong nhà kính và tưới bón thúc cho nhiều loại rau, cây ăn quả.

### **1.3. Supe lân**

- Là loại bột mịn màu trắng, vàng xám hoặc màu xám thiếc. Một số trường hợp supe lân được sản xuất dưới dạng viên.

- Trong supe lân có 16 – 20% lân nguyên chất. Ngoài ra, trong phân này có chứa một lượng lớn thạch cao. Trong phân còn chứa một lượng khá lớn axit, vì vậy phân có phản ứng chua.

- Phân dễ hoà tan trong nước cho nên cây dễ sử dụng. Phân thường phát huy hiệu quả nhanh, ít bị rửa trôi.

- Supe lân có thể dùng để bón lót hoặc bón thúc đều được.

- Phân này có thể sử dụng để bón ở các loại đất trung tính, đất kiềm, đất chua đều được. Tuy nhiên, ở các loại đất chua nên bón vôi khử chua trước khi bón supe lân.

- Supe lân có thể dùng để ủ với phân chuồng.

- Nếu supe lân quá chua, cần trung hoà bớt độ chua trước khi sử dụng. Có thể dùng photphat nội địa hoặc apatit. Nếu đất chua nhiều dùng 15 – 20% apatit để trung hoà, đất chua ít dùng 10 – 15%. Nếu dùng tro bếp để trung hoà độ chua của supe lân thì dùng 10 – 15%, nếu dùng vôi thì tỷ lệ là 5 – 10%.

- Phân supe lân thường phát huy hiệu quả nhanh, cho nên để tăng hiệu lực của phân, người ta thường bón tập trung, bón theo hốc, hoặc sản xuất thành dạng viên để bón cho cây.

- Supe lân ít hút ẩm, nhưng nếu cất giữ không cẩn thận phân có thể bị nhão và vón thành từng cục. Phân có tính axit nên dễ làm hỏng bao bì và dụng cụ đựng đựng bằng sắt.



*Supe lân*

### **1.4. Phân NPK**

#### **1.4.1 Phân amsuka**

có tỷ lệ NPK là 1: 0,4 : 0,8.

- Phân này được sản xuất bằng cách trộn amôn với supe lân đã trung hòa vào muối KCl.

- Phân được dùng để bón cho cây có yêu cầu NPK trung bình, bón ở các loại đất có NPK trung bình.

#### 1.4.2. Phân nitro phoska

có 2 loại:

- Loại có tỷ lệ NPK: 1 : 0,4 : 1,3

- Được sản xuất bằng cách trộn các muối nitrat với axit phosphoric. Trong phân có chứa: N – 13%; P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> – 5,7%; K<sub>2</sub>O – 17,4%.

- Phân này được dùng để bón cho đất thiếu K nghiêm trọng và thường được dùng để bón cho cây lấy củ.

- Loại có tỷ lệ N, P, K: 1: 0,3 : 0,9

- Được sản xuất bằng cách trộn các muối nitrat với axit sunphuric. Trong phân có chứa: N – 13,6%; P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> – 3,9%; K<sub>2</sub>O – 12,4%.

- Phân được dùng để bón cho nhiều loại cây trồng và thường bón cho đất có NPK trung bình.

#### 1.4.3. Phân amphoska

- Có tỷ lệ NPK: 1 : 0,1 : 0,8

- Trong phân có chứa N – 17%; P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> – 7,4%; K<sub>2</sub>O – 14,1%.

- Phân này được dùng để bón cho đất trung tính và thường dùng để bón cho cây lấy củ.

#### 1.4.4. Phân viên NPK Văn Điển

- Có tỷ lệ NPK: 5 : 10 : 3

- Trong phân chứa NPK, ngoài ra còn có MgO – 6,7%; SiO<sub>2</sub> – 10 – 11%; CaO – 13 – 14%.

- Phân này thích hợp cho nhiều loại cây trồng trên nhiều loại đất khác nhau. Cách bón và liều lượng bón được dùng như đối với phân lân nung chảy. Đối với cây trồng cần bón xa hạt, xa gốc cây. Sau khi bón phân cần lấp đất phủ kín phân.



Phân NPK

## **2. Tình hình phân bón trên thị trường thế giới**

### ***2.1. Thị trường phân bón châu Á - tình hình và triển vọng***

- Một thời gian dài trước đây, các nước châu Á như Trung Quốc (TQ), Ấn Độ, Indônêxia đã là những nước nhập khẩu nhiều phân bón và nguyên liệu liên quan. Ngày nay, các nước này ngày càng có khả năng tự sản xuất đáp ứng nhu cầu trong nước và hơn nữa còn đang phát triển thành những nước xuất khẩu quan trọng.

- Vào thập niên 1970, cuộc Cách mạng Xanh đã là động lực làm gia tăng rất nhanh nhu cầu phân bón và nguyên liệu liên quan tại các nước đang phát triển ở châu Á, tạo thành những thị trường hấp dẫn cho các nhà sản xuất Tây Âu và Bắc Mỹ. Hai thập niên sau, tình hình trên khắp châu lục này đang thay đổi mạnh. TQ ưu tiên phát triển ngành phân bón nội địa, Ấn Độ cũng xây dựng những nhà máy sản xuất phân urê, phân lân công suất lớn, trong khi đó Indônêxia khai thác nguồn khí thiên nhiên của mình để phát triển nhanh chóng ngành sản xuất phân urê nội địa. Ngay từ đầu, ngành công nghiệp phân bón Indônêxia đã có định hướng xuất khẩu. Nếu trước đây TQ chỉ là nước nhập khẩu phân bón, thì từ năm 2000 cũng đã tham gia vào thị trường xuất khẩu phân urê.

- Thị trường phân bón châu Á rất đa dạng, phản ánh sự đa dạng về điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng tại các nước trong khu vực, nhất là những nước có diện tích địa lý lớn như TQ và Ấn Độ. Tuy nhiên, có một số yếu tố khiến nhu cầu tiêu thụ phân bón tại châu Á nhìn chung khác với các khu vực khác trên thế giới. Trong khi tại Tây Âu có sự cân bằng tương đối giữa mức tiêu thụ phân đạm và phân NPK thì tại châu Á loại phân bón

quan trọng nhất là urê. Hàm lượng đạm cao trong phân urê giúp giảm chi phí phân phối, lưu kho và thao tác - đây là những yếu tố quan trọng đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, vì tại đây chi phí vận chuyển, lưu kho và bán hàng chiếm 15-30% giá bán. Trong khi đó, năm 2003 cước phí vận chuyển đường biển đã tăng gấp đôi so với năm trước, năm 2004 lại có một đợt tăng mạnh giá vận chuyển. Ngày nay, phân urê chiếm 69% tổng nhu cầu tiêu thụ phân bón của châu Á. Tại Tây Âu tỉ lệ này chỉ chiếm 16%.

- Sự chi phối của phân urê trong thị trường phân bón châu Á có thể là do ảnh hưởng của các điều kiện về thương mại và kinh tế, mà không phải do tính thích hợp về mặt thổ nhưỡng. Trên thực tế, khả năng thất thoát đạm từ urê trong một số loại đất và điều kiện khí hậu có thể rất lớn. Tuy phân amoni nitrat thích hợp hơn đối với nhiều loại đất, cây trồng và điều kiện khí hậu, nhưng loại phân này chỉ chiếm dưới 2% thị trường phân đạm ở châu Á. Tương tự, phân bón dạng nước cũng rất ít được sử dụng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đa số phân NPK được sử dụng tại khu vực này là phân trộn dạng hạt.

- Trong hai thập niên qua, tiêu thụ phân urê tại TQ đã tăng gần gấp ba, còn tại Ấn Độ mức tiêu thụ này đã tăng gấp đôi.

### *2.1.1. Trung Quốc*

- Là nước tiêu thụ phân bón lớn nhất thế giới, TQ có những ảnh hưởng lớn đối với thị trường phân bón thế giới. Trong các thập niên 1980 và 1990, TQ đã khuyến khích phát triển ngành sản xuất phân bón nội địa. Nhờ đó, đến nay sản lượng phân bón tại đây đã tăng rõ rệt.

- Năm 2002, sản lượng các loại phân bón của TQ đã lên đến gần 32 triệu tấn. Điều này phản ánh kết quả của sự đầu tư liên tục vào các nhà máy urê và MAP/DAP mới. Trong một thời gian dài, sản xuất phân lân tại đây chủ yếu tập trung vào các sản phẩm với hàm lượng dinh dưỡng thấp, ví dụ SSP và canxi - magiê photphat. Từ năm 2000 đã có sự dịch chuyển mạnh về hướng sản xuất các sản phẩm có hàm lượng chất dinh dưỡng cao như DAP, tạo thêm động lực cho sản xuất phân bón trong nước và giảm mạnh lượng phân bón nhập khẩu.

- Trước khi gia nhập WTO vào tháng 12/2001, TQ đã bảo hộ ngành sản xuất phân lân nội địa của mình bằng những biện pháp hạn chế nhập khẩu. Năm 2002, các biện pháp hạn chế này bị hủy bỏ, do đó nhập khẩu lại tăng mạnh. Nhưng trong những năm tiếp theo

TQ đã tiếp tục hỗ trợ tài chính cho ngành sản xuất phân lân của mình, tránh né các cam kết khi gia nhập WTO. Ngành sản xuất phân lân tại Mỹ đã lên tiếng phản đối quyết liệt những biện pháp bảo hộ này.

- Trong lúc này, ngành sản xuất phân lân TQ vẫn đang trong giai đoạn chuyển đổi. Các công ty lớn có khả năng tiếp cận các nguồn quặng photphát đang tiếp tục xây dựng các nhà máy axit photphoric và các dây chuyền tạo hạt mới để sản xuất DAP và MAP tại các mỏ quặng lớn ở các tỉnh Quảng Châu, Hồ Bắc và Vân Nam. Giá bán cao trên thị trường quốc tế và tỉ giá hối đoái thấp của đồng nhân dân tệ đã giúp tăng lợi nhuận của ngành sản xuất phân lân TQ, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch sang sản xuất phân lân với hàm lượng dinh dưỡng cao.

- TQ cũng đang bắt đầu tăng cường sản xuất phân NPK. Dự kiến thị trường NPK tại đây sẽ tăng từ 10 triệu tấn trong năm 2000 lên đến 15 triệu tấn năm 2005. Năm 2002, lượng phân NPK đã tiêu thụ chỉ chiếm 24% tổng tiêu thụ phân bón, so với mức 50% ở các nước đã phát triển. Hơn nữa, phân NPK được sử dụng tại TQ thường là loại phân có hàm lượng dinh dưỡng và chất lượng thấp. Nhưng điều này có thể sẽ thay đổi, nhất là sau khi Công ty Hanfeng Evergreen mới đây đã nhận được độc quyền sử dụng trong thời hạn 10 năm đối với công nghệ sản xuất phân NPK hàm lượng cao theo phương pháp tạo hạt trong tháp, đây là công nghệ của Viện nghiên cứu Công nghiệp Hóa chất Thượng Hải. Một nhà máy NPK lớn, công suất 150 nghìn tấn/ năm theo công nghệ tạo hạt bằng phương pháp bay hơi, cũng đang được xây dựng tại Tianjin, đông bắc TQ, với sự tham gia của các đối tác liên doanh từ Hàn Quốc và Đài Loan, dự kiến sẽ đi vào sản xuất đầu năm 2006.

### 2.1.2. Ấn Độ

- Trong năm tài chính 2003/2004, tiêu thụ phân bón tại Ấn Độ đã tăng 5% sau khi bị suy giảm trong năm tài chính trước đó. Nhờ liên tục xây dựng thêm các nhà máy, đến nay sản lượng urê và DAP đã đạt 9,7 triệu tấn/ năm và 5,5 triệu tấn  $P_2O_5$ / năm tương ứng. Trong năm tài chính 2003/ 2004, urê chiếm 83% sản lượng phân đạm, còn DAP chiếm 62% sản lượng phân lân. Phân supe đơn (SSP) tiếp tục chiếm một phần đáng kể (khoảng 11%) trong sản lượng phân lân. Tương tự như TQ, việc tăng công suất nội địa đã đẩy nhanh xu hướng giảm nhập khẩu phân urê và DAP. Hiện nay, Ấn Độ chỉ còn nhập khẩu phân urê để sản xuất phân đa thành phần mà không sử dụng trực tiếp cho nông nghiệp.

- Tiêu thụ phân bón tại Ấn Độ bị ảnh hưởng rất mạnh bởi chính sách trợ giá của chính phủ. Tháng 1/2004, chính phủ Ấn Độ cũng tuyên bố chính sách đầu tư để mở rộng và xây dựng mới các nhà máy urê đi từ nguyên liệu khí thiên nhiên hoặc khí hóa lỏng. Năm 2004, tổng công suất urê đã đạt 9,7 triệu tấn N/năm, dự kiến sẽ tăng lên 10,19 triệu tấn N/năm vào năm 2007 và 11,18 triệu tấn N/năm sau năm 2009.

### 2.1.3. *Indônêxia*

- Indônêxia đã xây dựng một số cơ sở sản xuất phân bón lớn tại các đảo Kalimantan (5 nhà máy urê và 2 nhà máy amoniac), Sumatra (6 nhà máy urê), Giava (2 nhà máy urê, 3 nhà máy amoni sunfat, 2 nhà máy photphát, 1 nhà máy NPK). Tổng công suất urê của Indônêxia đạt 3,71 triệu tấn N/năm, trong khi đó lĩnh vực sản xuất phân bón hầu như hoàn toàn do các công ty quốc doanh chi phối.

- Năm 2000, sản lượng urê của Indônêxia đạt mức cao nhất là 2,91 triệu tấn N/năm, sau đó giảm xuống còn 2,45 triệu tấn N/năm vào năm 2001. Năm 2004, sản lượng urê đạt 2,58 triệu tấn N/năm. Lượng urê dư thừa được xuất khẩu chủ yếu sang các nước láng giềng ASEAN. Do sản xuất suy giảm, lượng xuất khẩu này cũng giảm từ 580.400 tấn N vào năm 2000 xuống còn 214.000 tấn N vào năm 2004.

- Sau khi tự do hóa thị trường khí thiên nhiên vào năm 2001, ngày nay chính phủ Indônêxia không còn có khả năng tác động đến giá và nguồn cung loại nguyên liệu này. Đây là những biện pháp nhằm khuyến khích các công ty dầu khí trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, nhưng chúng có thể gây ra những bất lợi cho các công ty sản xuất urê vì họ không thể mua khí thiên nhiên với giá như trên thị trường quốc tế. Hơn nữa, tại một số nơi trữ lượng khí thiên nhiên đã tỏ ra là thấp hơn ước tính trước đó. Ví dụ, mỏ khí thiên nhiên Arun tại bắc Sumatra - nguồn cung cấp nguyên liệu cho 3 nhà máy metanol và urê tại địa phương - đã gần cạn, chỉ có thể khai thác không đầy 10 năm nữa, trong khi đó xung quanh lại không có những mỏ mới để thay thế. Trên thực tế, sự thiếu hụt nguồn cung khí thiên nhiên đã làm gián đoạn sản xuất tại một số nhà máy phân bón trong thời gian qua.

- Trong vài năm qua, mức tiêu thụ urê tại Indônêxia đã ổn định ở khoảng 4,3 triệu tấn urê/ năm. Do sản lượng urê cao hơn đáng kể nhu cầu nội địa, nên Indônêxia là nước xuất khẩu urê quan trọng sang các nước khu vực ASEAN. Trước đây, Việt Nam là một trong những nước nhập khẩu nhiều urê của Indônêxia. Năm 2002, xuất khẩu urê của



Indônêxia đáp ứng khoảng 60% nhu cầu urê của Việt Nam, nhưng sau đó tỷ lệ này đã giảm xuống còn 30%, do Nga và Trung đông tăng cường xuất khẩu sang Việt Nam.

- Do sản xuất urê tại bắc Sumatra có khả năng sẽ chấm dứt vào cuối thập kỷ tới do mỏ khí Arun bị cạn kiệt, ngành sản xuất phân bón Indônêxia đang xem xét nhiều phương án để di chuyển các nhà máy hiện có hoặc xây dựng các nhà máy mới có khả năng tiếp cận các nguồn cung khí lâu dài. Chính phủ nước này đang chuẩn bị kế hoạch xây dựng ống dẫn khí nối liền các đảo Kalimantan, Giava và Sumatra, và cũng nghiên cứu phương án vận chuyển khí bằng tàu chở dầu từ các mỏ khí mới khai thác.

- Tuy Indônêxia có trữ lượng khí thiên nhiên lớn nhất trong khu vực đông Nam á (trữ lượng tổng cộng khoảng 5 nghìn tỉ m<sup>3</sup> khí đã chứng minh và ước tính), nhưng việc phát triển các mỏ khí này tương đối chậm, hơn nữa cung ứng khí cho các nhà máy điện sẽ chiếm tỉ lệ ngày càng cao. Các ngành sản xuất hóa chất từ nguyên liệu khí thiên nhiên, như sản xuất amoniắc và urê, sẽ không còn có thể trông chờ vào trợ cấp của chính phủ như trước đây và có thể chịu thua thiệt trước ngành điện khi cạnh tranh giành nguồn cung khí thiên nhiên. Chuyện này đã từng xảy ra tại Mỹ, châu Âu, Ấn Độ, và trên thực tế cũng đang xảy ra ở Indônêxia. Nó cũng có thể là dấu hiệu về sự kết thúc vai trò xuất khẩu phân urê trong khu vực của Indônêxia.

#### 2.1.4. Nga.

- Sản xuất phân bón đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Nga, chiếm 20% sản lượng hóa chất công nghiệp, 35% giá trị xuất khẩu, là một trong những ngành kinh tế đạt lợi nhuận cao nhất và ổn định nhất về mặt tài chính của nước Nga. Trước đây, vào thời Liên Xô cũ, ngành sản xuất phân bón của Nga có ảnh hưởng quan trọng đối với sản xuất và thương mại phân bón trên thế giới. Ngày nay, Nga chiếm khoảng 6-7% sản lượng và 13-15% lượng phân bón xuất khẩu của thế giới. Điều này cho thấy định hướng xuất khẩu mạnh của ngành công nghệ này ở Nga, đặc biệt là đối với xuất khẩu các loại phân bón như amoni nitrat (AN), urê, kali, MAP.

- Năm 2005, Nga sản xuất khoảng 12,48 triệu tấn amoniắc, sản lượng apatit đạt 4,18 triệu tấn P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>, sản lượng lưu huỳnh đạt 6,56 triệu tấn, còn sản lượng axit sunfuric đạt 9,34 triệu tấn. Hiện tại, khả năng tự cung tự cấp các loại nguyên liệu với giá thành thấp đang có ảnh hưởng tích cực đối với chi phí sản xuất và giúp tăng tính cạnh tranh của phân bón Nga trên thị trường thế giới. Nhưng mặt khác, năng lượng và nguyên liệu chiếm

đến 70% chi phí sản xuất của các nhà sản xuất phân bón Nga. Trong tình hình này, sự tăng giá gần đây và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới của những yếu tố đầu vào này của các nhà sản xuất phân bón Nga bắt buộc sẽ dẫn đến giá thành sản xuất cao hơn, do đó làm giảm tính cạnh tranh của các sản phẩm của họ trên thị trường thế giới. Vì vậy, Nga đang đứng trước vấn đề rất cấp bách là phải giảm tiêu hao năng lượng và nguyên liệu trong sản xuất phân bón.

- Trong 15 năm qua, ngành sản xuất phân bón của Nga đã chuyển sang định hướng xuất khẩu mạnh. Ngày nay, hơn 80% sản lượng phân khoáng được xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu phân đạm và phân lân chiếm 73%, xuất khẩu phân kali chiếm 91% sản lượng của các loại phân bón tương ứng trong nước. Mỗi năm cung cấp cho thị trường quốc tế khoảng 13 triệu tấn phân bón, trong đó có 6 triệu tấn phân kali, 5 triệu tấn phân đạm và 2 triệu tấn phân lân. Hiện nay, Nga là một trong 5 nước xuất khẩu phân bón hàng đầu trên thế giới. Nhờ chi phí sản xuất thấp, trong khi nhu cầu và giá phân bón tăng, các công ty sản xuất phân bón của Nga tiếp tục duy trì khả năng cạnh tranh cao trên thị trường thế giới. Vài năm gần đây, Nga đã tăng giá trị xuất khẩu phân bón và củng cố vị thế của mình tại các thị trường phân bón chính ở châu Âu, châu Á và Châu Mỹ La Tinh. Trong khi đó, khối lượng xuất khẩu duy trì ở mức tương đối ổn định, đạt trung bình 10-12 triệu tấn chất dinh dưỡng/năm trong thời gian 2000-2006. Trong phần lớn thời gian của thời kỳ đó, xuất khẩu phân bón của Nga đã bị hạn chế một phần do các hạn chế về công suất, do các biện pháp chống phá giá bị Mỹ và EU áp đặt, và những rào cản thương mại do một số nước khác lập ra. Trong nửa đầu năm 2007, thị trường nội địa của Nga đã có những dấu hiệu phục hồi, do đó một phần khối lượng xuất khẩu đã được chuyển hướng sang kênh tiêu thụ nội địa.

## ***2.2. Dự báo nhu cầu tiêu thụ phân bón thế giới 2007/2008 - 2011/2012***

Nhu cầu tiêu thụ phân bón thế giới dự báo sẽ tăng vững trong 5 năm tới, với tốc độ tăng bình quân 1,7%/năm trong giai đoạn 2007/08 - 2011/12, tương đương với mức tăng trên 14 triệu tấn. Trong đó, châu Á chiếm tới 69% lượng tăng tiêu thụ và châu Mỹ chiếm 19%.

Bảng 1. Dự báo nhu cầu phân bón thế giới giai đoạn 2007/08 - 2011/12 (1.000 tấn)